

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		C10+RC3	7:25	17+5	0+0		17+5	0+0	
2		P2	7:25	22	0		22	0	
3		CTC1+RP2	7:25	9+13	0+0		5+17	0+0	chuyen 1 ctcl- rp2
4		TD1	9:25	22	0		22	0	
5		P9+P2+BK6	9:25	2+14+4	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
6		RP2+BK10	9:25	21+0	0+0		19+3	0+0	
7		RC3+BK5+BK19	11:25	15+4+0	0+0+0		16+5+1	0+0+0	
8		C10+CTC1	11:25	17+5	0+0		7+15	0+0	
9		BK8+RC10	13:25	13+5	0+0		12+10	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
l/ Đi về trong ngày RC3-5ng, CTC1-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2024	TO: CLO - RC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: DUONG - N.CUONG -	ETA: 09:25
cam-1		NNAM	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG VAN HUNG	CLO	71	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
2	BUI ĐỨC LUAN	CLO	78	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN CÔNG PHÚ	CLO	79	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG THANH	CLO	77	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN VINH	CLO	73	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	76	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN LY	CLO	80	1	8			60	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	75	1	3	4	38	70	KHOAN	Vietnamese
9	TRỊNH HỮU CHUNG	CLO	63	1	15			85	XAYLAP	Vietnamese
10	CAO XUAN VINH	CLO	74	1	14			82	PVDWS	Vietnamese
11	LÊ TUNG PHONG	CLO	65	1	11			65	PVDWS	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC HAI	CLO	72	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN KIM HUNG	CLO	81	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN BUI QUANG	CLO	70	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ XUAN THANG	CLO	66-67	2	15			80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU ĐỨC TÂM	CLO	64	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THUAN	CLO	68-69	2	15	2	30	65	KHOAN	Vietnamese
18	BUI THỌ SƠN	RC3	46	1	6	3	50	65	NHA THAU	Vietnamese
19	VU VAN TOAN	RC3	47	1	6			74	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYEN CANH TAN	RC3	48	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THỊ HẠNG	RC3	49	1	2			60	NIPI	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN THẮNG	RC3						62	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	CLO		17	1.230	19	143	6	68	17		
2	RC3		5	326	4	16	3	50	5		
TOTAL			22	1.556	23	159	9	118	22		
WEIGHT KG				1.556		159		118			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2024	TO: P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LTUẤN - NPHỨ - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	16	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC QUOC	P2	07	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ NGỌC HÙNG	P2	23	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH NAM	P2	21	1	2			55	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ HỮU NGUYEN	P2	06	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	P2	10	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	P2						77	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ANH BAO	P2	18	1	8			64	YTE	Vietnamese
9	HOANG ĐỨC LINH	P2	15	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐÔNG	P2	08	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	14	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN CHUONG	P2	20	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG XUÂN SƠN	P2	24-25	2	14			78	KH-THAC	Vietnamese
14	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	09	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ HUY QUYNH	P2						68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THANH HIEN	P2	11-12	2	8			83	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG TÂN QUÂN	P2	26	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN CHI HUONG	P2	13	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ANH TÚ	P2	04-05	2	12			81	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NGỌC THẮNG	P2	19	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN XUÂN THUY	P2	17	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG VĂN SƠN	P2	22	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	22	1.550	23	148	0	0	22		
TOTAL		22	1.550	23	148	0	0	22		
WEIGHT KG			1.550		148		0			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2024	TO: CTC1 - RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - TTRUNG -	ETA: 09:30
VANG-1		TOAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN SĨ TOÀN	CTC1				2	30	77	D-HANH	Vietnamese
2	SHEREMETIEV A.V.	CTC1						83	D-HANH	Russian
3	GIANG TRUNG HIEU	CTC1						118	D-HANH	Vietnamese
4	PHẦN ANH ĐỨC	CTC1	80	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH DUY	CTC1	78-79	2	20			85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN LƯU VŨ	CTC1						70	ANTOAN	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1						77	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG HOANG ANH	CTC1	75	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THẾ MẠNH	CTC1	76-77	2	4			75	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ MẠNH HÀ	RP2	42	1	6	4	80	71	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG HỮU SƠN	RP2	38	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN SÁCH ĐÓN	RP2	39	1	10	1	17	64	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	RP2	37	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN KIM CUÔNG	RP2	33	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VĂN NINH	RP2						76	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN SĨ ĐIỆP	RP2	34	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN KHÁC SANG	RP2	31	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ TUẤN ANH	RP2	41	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP2	32	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CÔNG MINH HIEU	RP2	36	1	10			96	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ TUẤN ANH	RP2	29-30	2	16			77	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VŨ TIẾN THANH	RP2	35	1	8			88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	9	735	6	37	2	30	5	1	CHUYEN 1 PAX TU CTC1 SANG RP2
2	RP2	13	956	13	88	5	97	17		
TOTAL		22	1.691	19	125	7	127	22		
WEIGHT KG			1.691		125		127			

GRAND TOAL: 1.943 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2024	TO: TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LTUẤN - NPHÚ - THỤ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	STESHIN VALERIY	TD1	16-17	2	2	5	100	155	KHOAN	Russian
2	PHAN VIET HUNG	TD1	35	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	39	1	2			67	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÌNH XUÂN HOÀ	TD1	38	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	18	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
6	MAI XUÂN TUNG	TD1	24	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VIỆT THỨC	TD1	19	1	12			84	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG MINH PHUC	TD1	29	1	8			78	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VĂN MINH	TD1	28	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
10	VU MẠNH HAI	TD1	25	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN QUANG SANG	TD1	26	1	5			54	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC THẮNG	TD1	27	1	12			60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NAM	TD1	40	1	7			74	YTE	Vietnamese
14	NGÔ THANH SƠN	TD1	21	1	10			78	DVL	Vietnamese
15	VÔ HỮU TÂN	TD1	22-23	2	12			75	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VÕ ĐÌNH DUY	TD1	07-08	2	20	1	10	70	DVL	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THUẬT	TD1	30-31	2	17			74	DVL	Vietnamese
18	PHAN VINH TRƯỞNG	TD1	15	1	12			70	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC LANG	TD1	36	1	10	1	15	61	T-TIN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN NGŨ	TD1	32-34	3	20			80	T-TIN	Vietnamese
21	TRẦN HOANG HAI	TD1	20	1	5			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	21	1.574	27	185	7	125	22		
TOTAL		21	1.574	27	185	7	125	22		
WEIGHT KG			1.574		185		125			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2024	TO: P9 - P2 - BK6	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:58
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VTHANG - TTRUNG -	ETA: 11:50
VANG-2		TOAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGO PHAM THANH HUY	P9	42-43	2	15			83	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NGHI	P9	41	1	5			70	PSV	Vietnamese
3	LE VAN NAM	P2	64	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUY TRUNG	P2	65	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN HUU BAO	P2	01-02	2	17			93	KH-THAC	Vietnamese
6	OKOVANTSEV G.F	P2	66	1	10			120	KHI	Russian
7	DUONG TRUONG LAM	P2	36	1	8			65	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HAO	P2	902	1	10			75	KHI	Vietnamese
9	HOANG DINH VINH	P2	04-05	2	21			75	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM NHU SANG	P2	903	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN QUOC THINH	P2	07	1	17			51	XAYLAP	Vietnamese
12	LE TU KHA	P2	06,17	2	13			90	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TRUNG	P2	18	1	5			75	PSV	Vietnamese
14	LE NHO CANG	P2	901	1	6			70	PSV	Vietnamese
15	LE TRAN MINH KHANH	P2	03	1	5			63	PSV	Vietnamese
16	LE XUAN DAM	P2	900	1	3			64	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN DUNG	BK6	76	1	5	2	40	71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH HAI	BK6	74	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUC THIEP	BK6	75	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN TRONG MINH	BK6	77	1	3			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	2	153	3	20	0	0	0		
2	P2	14	1.050	17	134	0	0	14		
3	BK6	4	293	4	23	2	40	8		
TOTAL		20	1.496	24	177	2	40	22		
WEIGHT KG			1.496		177		40			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2024	TO: RP3 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - DTÙNG	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUƠNG NGỌC HOANG LAM	RP3	97-98	2	12			77	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN DŨNG	RP3	95-96	2	14	4	70	73	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN NHƯ THÀNH	RP3	93-94	2	12			75	KHI	Vietnamese
4	NGÔ VŨ BÌNH	RP3	99,800	2	15			66	KHI	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TUẤT	RP3	02	1	13			82	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN QUANG KHU	RP3	01	1	12			65	XAYLAP	Vietnamese
7	DƯƠNG ĐIỆP PHI	RP2						82	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN BA LƯỢNG	RP2						70	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ VĂN DOANH	RP2				2	40	73	KHOAN	Vietnamese
10	CAO ĐÌNH THANH	RP2	07	1	3			57	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN HẬU	RP2	09	1	3			73	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN LÊ KIẾN	RP2	08	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU NAM	RP2	10	1	7			87	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	RP2	03	1	8			65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUYNH	RP2	04	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG NHẬT QUANG	RP2	11	1	3			56	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TUYẾN	RP2						63	KHOAN	Vietnamese
18	BUI NGỌC TÚ	RP2	01	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN HOA	RP2	06	1	9			80	KHOAN	Vietnamese
20	HUYNH TRUNG NGHĨA	RP2	05	1	2			69	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN DUY TÂN	RP2	02	1	5			71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	6	438	10	78	4	70	4		
2	RP2	15	1.054	11	52	2	40	18		
TOTAL		21	1.492	21	130	6	110	22		
WEIGHT KG			1.492		130		110			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2024	TO: TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI VĂN CHÍNH	TD2	58	1	3			86	KHOAN	Vietnamese
2	VUÔNG ĐÌNH LIÊN	TD2	62	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGỌC DUNG	TD2	68	1	4			83	KHOAN	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN CƯỜNG	TD2	56	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	51	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD2	64	1	6			60	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÌNH TIẾN HUU	TD2	50	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
8	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	52	1	7			83	KHOAN	Vietnamese
9	TÔ TUẤN DUY	TD2	53-54	2	20			112	KHOAN	Vietnamese
10	MAI VĂN HOANG	TD2	55	1	6			58	KHOAN	Vietnamese
11	NOROV DENIS	TD2	46	1	15			83	KHOAN	Russian
12	BUI THỌ DƯƠNG	TD2	69	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ NGỌC HOÀN	TD2	45	1	6	5	100	70	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VĂN THOẠI	TD2	65	1	3			74	YTE	Vietnamese
15	LÊ VĂN XUÂN	TD2	63	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VINH THUẬT	TD2	57	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN NAM	TD2	49	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ XUÂN VANG	TD2	61	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TỰ	TD2	47	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
20	GIANG VĂN VƯƠNG	TD2	59-60	2	16			63	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ VĂN THUY	TD2	66	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
22	ĐOÀN HIẾU	TD2	48	1	9			75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
				PCS	W	PCS	W				
1	TD2	22	1.632	24	148	5	100	22			
TOTAL		22	1.632	24	148	5	100	22			
WEIGHT KG			1.632		148		100				

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2024	TO: TD2 - P10 - BK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - DTÙNG	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN NGHĨA	TD2	89	1	16			84	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD2	84	1	14			61	DVL	Vietnamese
3	BUI HUY BANG	TD2	76-77	2	17			66	DVL	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC DANH	TD2	94	1	6			76	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VŨ DUYỀN	TD2	75	1	7			70	PSV	Vietnamese
6	LÊ PHÁT THỊNH	TD2	88	1	4			93	PSV	Vietnamese
7	HOÀNG GIANG LAM	TD2						82	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG TU	TD2	81	1	6			74	DUY LINH	Vietnamese
9	LÊ HOÀNG DUY	TD2	90-91	2	11			99	DUY LINH	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	TD2	92-93	2	8			61	DUY LINH	Vietnamese
11	HUYNH THANH TOÀN	TD2	82-83	2	8			74	DUY LINH	Vietnamese
12	TRẦN PHI HÙNG	TD2	Z87	1	9			77	DUY LINH	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG HIỆU	TD2	78-79	2	22			70	DUY LINH	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH PHONG	TD2	80	1	9			65	DUY LINH	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG THOẠI	TD2	85-86	2	9			70	DUY LINH	Vietnamese
16	VŨ ĐÌNH THỤ	P10	59-60.	2	14			68	YTE	Vietnamese
17	LÊ CHI HIỆU	P10	57-58	2	11	1	15	73	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ TRUNG KIẾN	BK3	16	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC SƠN	BK3	17	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÌNH VĂN TÂM	BK3	18	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ VĂN GIANG	BK3	15	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	15	1.122	20	146	0	0	9		
2	P10	2	141	4	25	1	15	5		
3	BK3	4	286	4	43	0	0	8		
TOTAL		21	1.549	28	214	1	15	22		
WEIGHT KG			1.549		214		15			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2024	TO: BK8 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - THỤ	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	BK8	56-57	2	20			85	KH-THAC	Vietnamese
2	TRỊNH HỮU CÂN	BK8	60	1	16			72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC HÙNG	BK8	62	1	8	1	15	90	KH-THAC	Vietnamese
4	TẠ HỒNG QUÂN	BK8	61	1	13			65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC CUÔNG	BK8	58-59	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
6	HỒ TRUNG HẢI	BK8	51-52	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TRÁ	BK8	45-46	2	11			84	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN LẠNH	BK8	55	1	12			67	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐỨC SINH	BK8	49-50	2	18	1	12	65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGHỊ	BK8	53-54	2	17			75	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN NAM ĐỊNH	BK8	64-65	2	17			77	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC VIỆT	BK8	47	1	10	1	15	72	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐÀO HAI TÙNG	RP3	14	1	15			78	XAYLAP	Vietnamese
14	LƯU VĂN LUÂN	RP3	17	1	12			67	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	RP3	24-25	2	14			60	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ QUANG HUY	RP3	18-20	3	20			50	XAYLAP	Vietnamese
17	MAI TRUNG DƯƠNG	RP3	23	1	9	2	40	68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU TOÀN	RP3	15-16	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN SỸ TÍNH	RP3	21-22	2	17			64	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TRẦN	RP3	12-13	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK8	12	891	19	179	3	42	7		
2	RP3	8	518	14	127	2	40	15		
TOTAL		20	1.409	33	306	5	82	22		
WEIGHT KG			1.409		306		82			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/10/2024	TO: RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: DUONG - HTRUNG -	ETA: 14:00
XANH-3		TOAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KIM VAN TINH	RP3	49-50	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
2	LUONG DUC DAN	RP3	56-57	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
3	HÔ NGUYEN HAU	RP3	60-61	2	25			62	XAYLAP	Vietnamese
4	TRUONG VAN PHUC	RP3	67-68	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN THANH THAN	RP3	58-59	2	12	1	20	68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG DUONG	RP3	64	1	15			92	XAYLAP	Vietnamese
7	LE XUAN VIET	RP3	69	1	13			69	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VAN SON	RP3	75	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM XUAN THIEN	RP3	53-54	2	17			62	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LUYEN	RP3	55	1	10			73	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG CHUNG	RP3	70	1	17			58	XAYLAP	Vietnamese
12	VU NGOC HIEU	RP3	62-63	2	17			67	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN KHAC BANG	RP3	51-52	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐANG VAN NAM	RP3	71-72	2	15			79	XAYLAP	Vietnamese
15	HA HUU THAI	RP3	48-49	2	22			68	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN DUC CHIN	RP3	73-74	2	21			70	XAYLAP	Vietnamese
17	DUONG MANH CUONG	RP3	65-66	2	22			68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGO DUC THUAN	RP3	76	1	13			67	XAYLAP	Vietnamese
19	DO VAN NAM	RP3	77-78	2	21			75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	19	1.327	32	326	1	20	22		
TOTAL		19	1.327	32	326	1	20	22		
WEIGHT KG			1.327		326		20			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD5 + P9	7:25	15+6 + 0	0+0		14+8 + 1	0+0	CHUYEN 2 TD3-TD5
2		TD3	7:25	22	0		22	0	
3		P4+TD5	9:25	0+20	0+0		0+22	0+0	CHUYEN 2 P4-TD5
4		P11+BK9+TD5	9:25	2+0+20	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 1 P11-BK9

TTBDSX

P9 kế hoạch



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2024	TO: TD3 - TD5 - P9	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: NAM - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	GUSEINOV MAXIM	TD3	11	1	5			80	KHOAN	Russian
2	BUI HUU VUNG	TD3	46	1	5			90	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG PHAM NGOC VU	TD3	12	1	5			102	KHOAN	Vietnamese
4	NGO VAN KIEM	TD3	15	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
5	ĐO THANH HAI	TD3	19	1	3			100	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM TRUONG ANH	TD3	16	1	3			90	KHOAN	Vietnamese
7	VU TOAN THANG	TD3	08	1	8			78	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN HAI NAM	TD3	14	1	2			67	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN MINH THANG	TD3	13	1	5			129	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM TIEN CHUNG	TD3	09-10	2	4			90	KHOAN	Vietnamese
11	LY HUU NHAN	TD3	17-18	2	10			95	TAN CANG	Vietnamese
12	PODKATILIN A.N	TD3	05	1	7			80	KHOAN	Russian
13	TRAN CONG MINH	TD3	07	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
14	QUACH DAC THAN	TD3	20	1	3			50	PSV	Vietnamese
15	HO SY THANH	TD3	24	1	3			57	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN DANG HUNG	TD5	05-06	2	15			65	DMC-MI	Vietnamese
17	DAVYDOV DANIIL	TD5	09	1	5	6	100	70	KHOAN	Russian
18	CHUSH MAKSIM	TD5	08	1	4			90	KHOAN	Russian
19	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	07	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
20	ĐÌNH ĐỨC KIẾN	TD5	10	1	11			74	KHOAN	Vietnamese
21	ĐOÀN CAO DANH	TD5	11	1	4			58	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	15	1.244	17	75	0	0	14	2	chuyen 02 pax tu td3 sang td5
2	TD5	6	424	7	44	6	100	7		
3	P9	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.668	24	119	6	100	22		
WEIGHT KG			1.668		119		100			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2024	TO: TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VTHĂNG - XTRƯỜNG -	ETA: 09:25
CAM-1		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG THANH TU	TD3				5	80	87	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN CANH THAC	TD3	87	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUU NHAN	TD3	89	1	8			66	KHOAN	Vietnamese
4	LE TU HOP	TD3	90	1	2			66	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN VAN HAI -81	TD3	73	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM NGOC DUNG	TD3	88	1	3			77	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM THANH DUNG	TD3	84	1	2			65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TUAN	TD3	82	1	7			62	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN BIEN	TD3	91	1	2			64	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN CAO HOANG	TD3	77-78	2	5			78	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DINH QUY	TD3	85	1	2			70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG VIET	TD3	86	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC BAO TU	TD3	83	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
14	DAO THE VU	TD3	76	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
15	DO VAN QUANG	TD3	92	1	8			85	KHOAN	Vietnamese
16	VUONG HUU QUOC THAI	TD3	72	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
17	AGE HANDELAND	TD3	74-75	2	19			91	SCHLUMBE	Norway
18	HARALD JOHNSEN	TD3	79-81	3	20			100	SCHLUMBE	Norway
19	TRAN HIEP	TD3	71	1	5			78	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TUAN HAI	TD3	98	1	5			61	PSV	Vietnamese
21	KHOROTOV V	TD3	69	1	5			120	KHOAN	Russian
22	VU QUANG HIEU	TD3	70	1	5			116	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	22	1.688	25	131	5	80	22		
TOTAL		22	1.688	25	131	5	80	22		
WEIGHT KG			1.688		131		80			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2024	TO: P4 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: NAM - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	24	1	3			83	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẠU TRỌNG HOÀNG	TD5	33-34	2	14			63	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH TUE	TD5	26	1	9			56	KHOAN	Vietnamese
4	TÔ THANH HÙNG	TD5	21	1	2	1	20	57	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN MINH CÔNG	TD5	41	1	5	2	10	73	KHOAN	Vietnamese
6	LƯU XUÂN HẠNH	TD5	32	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	38	1	7			81	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH HÙNG	TD5	29-31	3	13			79	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN MUỘI	TD5	15	1	13			60	KHOAN	Vietnamese
10	QUÁCH THẾ ANH	TD5	37	1	12			70	KHOAN	Vietnamese
11	LƯU VĂN CHIẾN	TD5	18-19	2	8			69	YTE	Vietnamese
12	KAMARUDZAMAN BIN LOKERMAN	TD5	40	1	7	1	15	90	BAKER HU	Malaysian
13	NGUYỄN XUÂN THẾ	TD5	17	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	36	1	8			84	KHOAN	Vietnamese
15	MAI TRƯỞNG TRUNG	TD5	23	1	6			61	KHOAN	Vietnamese
16	BUI XUÂN KHOA	TD5	35	1	9			58	KHOAN	Vietnamese
17	LƯU VĂN MẠNH	TD5	25	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
18	HA VĂN PHÚC	TD5	22	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG LINH	TD5	27-28	2	11			64	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	20	1	9			78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	0	0	0	0	2	30	0	2	CHUYEN 2 PAX P4-TD5
2	TD5	20	1.399	25	156	4	45	22		
TOTAL		20	1.399	25	156	6	75	22		
WEIGHT KG			1.399		156		75			

GRAND TOAL: 1.630 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/10/2024	TO: P11 - BK9 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - XTRƯỜNG -	ETA: 11:45
VANG-2		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGÔ DUY KHIÊM	P11	68	1	8	6	79	74	YTE	Vietnamese
2	LƯU MINH TUÂN	P11	75-76	2	11			77	NIPi	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY DŨNG	TD5	22	1	10			80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	TD5	28	1	2			85	KHOAN	Vietnamese
5	HA MẠNH HAI	TD5	24-25	2	12			70	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN KHAI	TD5	43	1	9			74	KHOAN	Vietnamese
7	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	38	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN CAO KHANH	TD5	23	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN LONG BIÊN	TD5	40	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	TD5						69	D-HANH	Vietnamese
11	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD5	19	1	6			76	ANTOAN	Vietnamese
12	TRẦN HỒNG QUÂN	TD5	36-37	2	14			73	XAYLAP	Vietnamese
13	TRỊNH HỮU HIỆU	TD5	34-35	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN MẠNH HÙNG	TD5	20-21	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
15	TẠ TRUNG HIỆU	TD5	33	1	17			67	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TÚ	TD5	29-30	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI XUAN QUANG	TD5	31-32	2	20			79	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ VĂN ĐIỆP	TD5	18	1	9			69	PSV	Vietnamese
19	ĐINH VĂN THẮNG	TD5	39	1	5			76	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HANH	TD5	27	1	5			60	PSV	Vietnamese
21	LÊ VĂN LỢI	TD5	41-42	2	15			55	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN VINH	TD5	26	1	2			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	2	151	3	19	6	79	0	1	CHUYEN 1 PAX P11-BK9
2	BK9	0	0	0	0	0	0	0		
3	TD5	20	1.447	26	204	0	0	22		
TOTAL		22	1.598	29	223	6	79	22		
WEIGHT KG			1.598		223		79			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP